TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Tuấn.

Ông Nguyễn Đăng Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh Quy là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: thôn V, xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;

Nơi đăng ký tạm trú và nơi làm việc: thôn T, xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1991;

Địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Nơi đăng ký tạm trú và nơi làm việc: thôn T, xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

3. Người làm chứng: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1962;

Địa chỉ cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1982;

Địa chỉ: thôn T, xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

Tại phiên tòa: anh C, chị Đ có mặt; ông Q, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2017 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn anh Hoàng Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị Đ kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ngày 11 tháng 5 năm 2017. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nơi làm việc là phòng khám đa khoa F thuộc thôn T, xã N, huyện Yên Mỹ nhưng chỉ được ít ngày đã phát sinh mâu thuẫn do cả hai quen biết nhau qua mạng khoảng 01 tháng đã đi đến hôn nhân dẫn đến không hòa hợp, thống nhất được trong cuộc sống. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng cuộc sống chung vẫn thường nảy sinh to tiếng, xô xát dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2017, đến nay anh nhận thấy vợ chồng không thể chung sống hạnh phúc được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Anh và chị Phạm Thị Đ chưa có con chung, thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản, nghĩa vụ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và các vấn đề khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phạm Thị Đ công nhận lời khai của anh C về thời gian đăng ký kết hôn và vợ chồng chưa có con chung. Theo chị Đ, chị đã đến làm việc tại Phòng khám đa khoa F từ tháng 02 năm 2017 nên sau ngày cưới anh chị chung sống tại phòng khám đa khoa F thuộc xã N và đăng ký tạm trú tại xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Kết hôn được khoảng hai tháng thì vợ chồng xảy ra xô xát, anh C đã đánh chị nhưng sau đó vẫn tiếp tục chung sống bình thường đến tháng 11 năm 2017 thì anh C tiếp tục đánh chị dẫn đến vợ chồng sống mỗi người một nơi mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải. Do vợ chồng chung sống thời gian ngắn đã không còn quan tâm đến nhau nên chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị nhất trí đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Chị Phạm Thị Đ khai sau khi kết hôn, vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung và phải trả nợ số tiền anh C đã vay trước khi kết hôn nên chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung và số nợ đã trả khoảng 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nếu không chia tài sản thì anh C phải hỗ trợ chị số tiền 100.000.000 đồng; chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ chung và các vấn đề khác.

Người làm chứng anh Nguyễn Công K khai thời gian chung sống tại Phòng khám đa khoa F, anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Đ thường xuyên to tiếng, xô xát và đã sống mỗi người một nơi từ tháng 11 năm 2017. Ông Phạm Ngọc Q khai anh C và chị Đ thường về chơi với gia đình nên không thấy hai anh chị có mâu thuẫn gì nhưng cuộc sống của hai anh chị thì phải do cả hai tự quyết định.

Tại phiên tòa anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Đ không nhất trí ly hôn và yêu cầu anh C chia tài sản.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C với chị Đ; không giải quyết về con chung, tài sản và các vấn đề khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Đ đều làm việc và đăng ký tạm trú thôn T, xã N, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Chị Đ không nhất trí ly hôn vì vợ chồng vẫn còn tình cảm, trong thời gian ly thân vợ chồng vẫn còn quan hệ tình cảm nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh chị đều công nhận thời gian chung sống vợ chồng đã có hành vi bạo lực gia đình dẫn đến sống mỗi người một nơi, không quan tâm chăm lo đến nhau phù hợp với cung cấp của người làm chứng; thực tế anh chị đã thỏa thuận ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của anh C là phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[3] Anh Hoàng Văn C và chị Phạm Thị Đ chưa có con chung nên không đặt ra để xem xét.

[4] Chị Phạm Thị Đ đã được Tòa án giải thích quyền và nghĩa vụ nhưng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và không cung cấp chứng cứ theo quy định mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án chị đã thỏa thuận thuận tình ly hôn với anh C và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung cùng các vấn đề khác; mặt khác theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự " Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải " do đó không đặt ra để xem xét trong vụ án đối với yêu cầu về tài sản chung của chị Phạm Thị Đ, chị Đ có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn trong một vụ án khác.

Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho anh Hoàng Văn C ly hôn chị Phạm Thị Đ.

2. Án phí: Anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 011866 ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ; anh C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRƯƠNG QUANG TÚ